

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thúy Hiền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên
Bà Mai Thị Thanh Hà	Ủy viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thành Sơn	Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm từ ngày 15/8/2012
Ông Trương Xuân Cảnh	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 22/10/2012
Bà Mai Thị Thanh Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/8/2012

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Trương Xuân Cảnh

Giám đốc điều hành

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Tôi, Mai Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

Mai Văn Bình

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Số: /2013/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20/3/2013, từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Thị Hoa
Phó Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 0804/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Vũ Hoài Nam
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: 1436/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		25.170.614.363	30.238.220.373
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.053.531.247	8.913.212.941
1. Tiền	111		503.531.247	2.713.212.941
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.550.000.000	6.200.000.000
III- Các khoản phải thu	130		12.625.075.855	9.780.868.618
1. Phải thu khách hàng	131		12.620.087.469	9.724.935.260
2. Trả trước cho người bán	132		-	22.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	6	4.988.386	33.933.358
IV- Hàng tồn kho	140		5.492.007.261	11.395.053.756
1. Hàng tồn kho	141	7	5.492.007.261	11.395.053.756
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	149.085.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	29.040.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	120.045.058
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		4.069.571.305	4.475.568.201
II- Tài sản cố định	220		4.069.571.305	4.469.588.201
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.523.840.707	1.846.125.371
- Nguyên giá	222		15.404.587.667	15.399.721.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.880.746.960)	(13.553.595.776)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.545.730.598	2.623.462.830
- Nguyên giá	228		3.355.441.291	3.355.441.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(809.710.693)	(731.978.461)
V- Tài sản dài hạn khác	260		-	5.980.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.980.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		29.240.185.668	34.713.788.574

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		8.413.806.289	12.532.710.522
I- Nợ ngắn hạn	310		8.413.806.289	12.532.710.522
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	6.589.146.080
2. Phải trả người bán	312		7.322.966.006	4.714.506.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	448.514.801	379.950.529
5. Phải trả người lao động	315		201.959.523	377.582.654
6. Chi phí phải trả	316		-	40.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	12.488.366	26.247.023
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		427.877.593	405.277.593
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		20.826.379.379	22.181.078.052
I- Vốn chủ sở hữu	410		20.826.379.379	22.181.078.052
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12	15.350.000.000	15.350.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	12	(1.499.786.780)	(1.499.786.780)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	12	3.708.935.761	2.205.447.789
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	12	1.001.179.071	601.179.071
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12	2.266.051.327	5.524.237.972
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		29.240.185.668	34.713.788.574

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	USD	-	151.000

Phụ trách kế toán

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Giám đốc điều hành

Mai Thị Thanh Hà

Trương Xuân Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	48.480.650.380	52.200.056.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	48.480.650.380	52.200.056.727
4. Giá vốn hàng bán	11	14	44.609.785.328	44.818.243.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.870.865.052	7.381.813.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	364.718.221	595.487.888
7. Chi phí tài chính	22	16	160.670.528	356.674.747
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		151.536.448	346.077.067
8. Chi phí bán hàng	24		572.482.412	795.048.096
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		986.238.397	926.803.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.516.191.936	5.898.775.142
11. Thu nhập khác	31	17	72.727.273	-
12. Chi phí khác	32	17	9.774.060	1.797.901
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	17	62.953.213	(1.797.901)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.579.145.149	5.896.977.241
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	307.113.822	378.719.269
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19	5.980.000	(5.980.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.266.051.327	5.524.237.972
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.587	3.868

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Phụ trách kế toán

Giám đốc điều hành

Mai Thị Thanh Hà

Trương Xuân Cảnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.579.145.149	5.896.977.241
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	8,9	434.525.987	419.923.160
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	10.597.680
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	15,17	(382.818.314)	(545.329.878)
- Chi phí lãi vay	06	16	151.536.448	346.077.067
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.782.389.270	6.128.245.270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.718.182.179)	1.989.705.549
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.903.046.495	3.365.042.447
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.499.553.682	52.546.030
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		29.040.000	(29.040.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(151.536.448)	(364.536.020)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(392.405.657)	(231.523.510)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(14.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.951.905.163	10.895.639.766
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	8	(34.509.091)	(143.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	17	72.727.273	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15	310.091.041	545.329.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		348.309.223	402.329.878
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.786.428.208	18.738.548.025
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18.375.574.288)	(17.563.314.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.570.750.000)	(3.570.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.159.896.080)	(2.395.615.975)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.859.681.694)	8.902.353.669
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.913.212.941	34.779.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(23.920.000)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	7.053.531.247	8.913.212.941

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2012.

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2013
 Giám đốc điều hành

Phụ trách kế toán

Mai Thị Thanh Hà

Trương Xuân Cảnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 ngày 24/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi: lần nhất ngày 14/7/2003, lần thứ hai ngày 05/10/2004, lần thứ ba ngày 18/01/2006, lần thứ tư ngày 06/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ: 15.350.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 89, Đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần I, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại thời điểm 31/12/2012 và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Cuối năm, Công ty không có các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hàng quý theo phương pháp giản đơn.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03
Dụng cụ quản lý	03 - 04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09-DN

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng 4.823 m² đất tại lô 89, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/8/2002 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 261 QSDĐ/2002 cấp ngày 06/9/2002. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2012 bao gồm vốn góp của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm cả giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

Năm 2012, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2012/NQ-ĐHCĐ/HBD ngày 09/4/2012, cụ thể như sau:

Chia cổ tức năm 2011 (25% vốn điều lệ):	3.570.750.000 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển:	1.503.487.972 VND
Trích quỹ dự phòng tài chính:	400.000.000 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	50.000.000 VND

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

4.10 Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

4.11 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của các năm trước theo Biên bản kiểm tra thuế.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm (từ năm 2003 đến hết năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm (từ năm 2006 đến hết năm 2012), thuế suất ưu đãi áp dụng là 15% trong thời gian miễn, giảm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 Bên liên quan

Công ty Cổ phần Bao bì PP, Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch và Công ty có chung các thành viên quản lý chủ chốt. Theo đó, Công ty Cổ phần Bao bì PP và Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch được coi là các bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 23.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	96.340.806	40.735.803
Tiền gửi ngân hàng	407.190.441	2.672.477.138
Các khoản tương đương tiền	6.550.000.000	6.200.000.000
Cộng	7.053.531.247	8.913.212.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu cơ quan bảo hiểm	-	10.944.972
Phải thu khác	4.988.386	22.988.386
Cộng	4.988.386	33.933.358

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.014.645.873	7.652.338.128
Công cụ, dụng cụ	55.585.240	68.699.249
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.434.663.064	2.603.350.682
Thành phẩm	987.113.084	1.070.665.697
Cộng	5.492.007.261	11.395.053.756

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	2.873.182.720	11.881.612.411	626.460.561	18.465.455	15.399.721.147
Mua sắm	-	-	-	34.509.091	34.509.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	29.642.571	-	29.642.571
Số dư tại 31/12/2012	2.873.182.720	11.881.612.411	596.817.990	52.974.546	15.404.587.667
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	1.504.044.581	11.494.000.179	537.085.561	18.465.455	13.553.595.776
Khấu hao trong năm	124.467.104	135.282.966	89.375.000	7.668.685	356.793.755
Thanh lý, nhượng bán	-	-	29.642.571	-	29.642.571
Số dư tại 31/12/2012	1.628.511.685	11.629.283.145	596.817.990	26.134.140	13.880.746.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2012	1.369.138.139	387.612.232	89.375.000	-	1.846.125.371
Số dư tại 31/12/2012	1.244.671.035	252.329.266	-	26.840.406	1.523.840.707

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2012 là 12.409.656.497 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	3.355.441.291	3.355.441.291
Số dư tại 31/12/2012	3.355.441.291	3.355.441.291
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	731.978.461	731.978.461
Khấu hao trong năm	77.732.232	77.732.232
Số dư tại 31/12/2012	809.710.693	809.710.693
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2012	2.623.462.830	2.623.462.830
Số dư tại 31/12/2012	2.545.730.598	2.545.730.598

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	154.042.774	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	294.472.027	379.763.862
Thuế thu nhập cá nhân	-	186.667
Cộng	448.514.801	379.950.529

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	7.938.283	18.762.622
Bảo hiểm xã hội	4.060.422	7.484.401
Phải trả khác	489.661	-
Cộng	12.488.366	26.247.023

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.052.869.210	501.179.071	3.903.328.579
Tăng trong năm trước	-	-	152.578.579	100.000.000	5.524.237.972
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	3.903.328.579
Số dư cuối năm trước	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.205.447.789	601.179.071	5.524.237.972
Số dư đầu năm nay	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.205.447.789	601.179.071	5.524.237.972
Tăng trong năm nay	-	-	1.503.487.972	400.000.000	2.266.051.327
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	5.524.237.972
Số dư cuối năm nay	15.350.000.000	(1.499.786.780)	3.708.935.761	1.001.179.071	2.266.051.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.535.000	1.535.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.535.000	1.535.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.535.000</i>	<i>1.535.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	106.700	106.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>106.700</i>	<i>106.700</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.428.300
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.428.300</i>	<i>1.428.300</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	5.524.237.972	3.903.328.579
Tăng trong năm	2.266.051.327	5.524.237.972
Lợi nhuận trong năm	2.266.051.327	5.524.237.972
Giảm trong năm	5.524.237.972	3.903.328.579
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.503.487.972	152.578.579
Trích quỹ dự phòng tài chính	400.000.000	100.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.000.000	80.000.000
Chia cổ tức	3.570.750.000	3.570.750.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	2.266.051.327	5.524.237.972

13. DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.480.650.380	52.200.056.727
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	9.538.980.880	6.207.639.849
Doanh thu bán thành phẩm	38.941.669.500	45.992.416.878
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.480.650.380	52.200.056.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09-DN

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	7.748.692.345	5.056.161.497
Giá vốn của thành phẩm đã bán	36.861.092.983	39.762.081.818
Cộng	44.609.785.328	44.818.243.315

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	310.091.041	545.329.878
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.627.180	50.158.010
Cộng	364.718.221	595.487.888

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	151.536.448	346.077.067
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.134.080	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.597.680
Cộng	160.670.528	356.674.747

17. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác (1)	72.727.273	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	72.727.273	-
Chi phí khác (2)	9.774.060	1.797.901
Chi khác	9.774.060	1.797.901
Lợi nhuận khác (1) - (2)	62.953.213	(1.797.901)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	2.579.145.149	5.896.977.241
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	25.717.901
Chi phí không được trừ	-	1.797.901
Lỗ CLTG chưa thực hiện của tiền	-	23.920.000
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	23.920.000	-
Lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang	23.920.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	2.555.225.149	5.922.695.142
Lợi nhuận của hoạt động được ưu đãi thuế suất và được giảm 30% (4a)	1.242.769.498	5.369.407.194
Lợi nhuận của hoạt động không được ưu đãi thuế suất và được giảm 30% (4b)	1.153.901.058	553.287.948
Lợi nhuận của hoạt động không được ưu đãi thuế suất và không được giảm 30% (4c)	158.554.593	-
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi (5a)	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông (5b)	25%	25%
Thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi thuế suất và được giảm 30% (6)=(4a)*(5a)*50%	93.207.712	402.705.540
Thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi thuế suất và được giảm 30% (7)=(4b)*(5b)	288.475.265	138.321.987
Thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi thuế suất và không được giảm 30% (8)=(4c)*(5b)	39.638.648	-
Thuế TNDN được giảm 30% (9)=[(6)+(7)]*30%	114.504.893	162.308.258
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (10)	297.090	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (11)=(6)+(7)+(8)-(9)+(10)	307.113.882	378.719.269

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(5.980.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.980.000	-
Cộng	5.980.000	(5.980.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.642.495.818	33.313.648.016
Chi phí nhân công	2.827.777.867	2.803.516.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	434.525.987	419.923.160
Chi phí khác	2.019.263.677	2.254.442.383
Cộng	44.924.063.349	38.791.530.262

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.266.051.327	5.524.237.972
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	2.266.051.327	5.524.237.972
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (2)	1.428.300	1.428.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3 = 1/2)	1.587	3.868

22. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2012 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Bao bì PP		
Phải trả người bán	6.323.984.039	3.204.218.885
Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		
Phải trả người bán	-	100.964.770
Phải thu khách hàng	680.869.332	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì PP		
Bán hàng	7.607.642.306	3.675.100.000
Bán tài sản cố định	80.000.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	13.807.407.460	6.408.913.324
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	3.000.000.000	3.200.000.000
Bù trừ công nợ	7.687.642.306	3.675.100.000
Trả tiền vay	-	1.000.000.000
Trả tiền lãi vay	-	9.777.778
Cho vay vật tư	-	3.250.100.382
Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		
Bán hàng	1.477.301.562	332.072.787
Thu tiền	200.000.000	162.558.000
Mua hàng	645.467.460	1.383.037.557
Trả tiền	150.000.000	950.000.000
Bù trừ công nợ	596.432.230	332.072.787
Nhận tiền vay	150.000.000	-
Trả tiền vay	150.000.000	-

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú, được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Phụ trách kế toán

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2013
Giám đốc điều hành

Mai Thị Thanh Hà

Trương Xuân Cảnh